

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI ĐANG THỊ HÀNH QUÝ III NĂM 2025

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Lý do chưa thi hành			Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
									Đang xác minh tài sản	Đang áp dụng các biện pháp bảo đảm thi hành án	Đang áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án				
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
Cộng			289		289	68.966.977	15.787.330	53.179.647	288	-	1	124	289	289	
1	THABDS tỉnh		33		33	33.755.783	5.276.247	28.479.536	33	-	-	-	33	33	
1	22	3/25/2021	51	1/1/4/2022	Theo yêu cầu	11 093.000	17.500	11 075.500	x				Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
2	637	12/10/2021	109	4/1/5/2022	Chui đồng	8.120	4.000	4.120	x				Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
3	21	3/11/2021	337	4/2/3/2021	Chui đồng	17.710	5.710	12.000	x				Nguyễn Văn Phòng	Phòng Kiểm tra & GOKNTC	
4	15	1/26/2022	79	3/4/2022	Chui đồng	132.419	4.000	128.419	x				Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
5	15	1/26/2022	81	3/4/2022	Chui đồng	47.000	8.000	39.000	x				Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
6	29	9/30/2021	03	10/3/2022	Theo yêu cầu	204.100	29.000	175.100	x				Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
7	09	6/5/2020	04	10/6/2022	Theo yêu cầu	15.792.848	4.683.400	11.109.448	x				Nguyễn Văn Phòng	Phòng Kiểm tra & GOKNTC	
8	59	9/29/2022	30	10/25/2022	Chui đồng	20.356	10.000	10.356	x				Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
9	59	9/29/2022	31	10/25/2022	Chui đồng	173.001	29.000	144.001	x				Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
10	20	8/27/2020	39	11/1/2022	Chui đồng	584.940	900	584.040	x				Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
11	31	5/11/2020	77	12/1/2022	Chui đồng	119.500	25.500	94.000	x				Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
12	08	12/6/2022	101	1/1/1/2023	Chui đồng	1.028.009	100.000	928.009	x				Nguyễn Văn Phòng	Phòng Kiểm tra & GOKNTC	
13	67	8/30/2023	24	10/26/2023	Chui đồng	198.000	16.000	182.000	x				Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
14	68	9/6/2023	75	11/9/2023	Chui đồng	30.000	7.000	23.000	x				Nguyễn Văn Phòng	Phòng Kiểm tra & GOKNTC	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
15	07	11/28/2023	123	2/21/2024	Chú động	250.000	8.000	242.000	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
16	07	11/28/2023	134	2/21/2024	Chú động	23.650	10.000	13.650	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
17	22	1/23/2024	230	7/22/2024	Theo yêu cầu	585.800	300.000	285.800	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
18	65	7/23/2024	249	9/11/2024	Chú động	13.970	10.970	3.000	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
19	73	8/28/2024	09	10/9/2024	Chú động	15.000	-	15.000	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
20	05	9/27/2023	12	10/15/2024	Theo yêu cầu	10.000	-	10.000	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
21	05	9/27/2023	40	11/21/2024	Theo yêu cầu	291.000	-	291.000	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
22	562	8/22/2017	62	4/9/2025	Theo yêu cầu	1.500	-	1.500	x				Nguyễn Văn Phòng	Phòng Kiểm tra & GQKNTC	
23	205	5/13/2025	79	6/2/2025	Theo yêu cầu	135.426	-	135.426	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
24	25	4/18/2025	80	6/12/2025	Theo yêu cầu	417.000	-	417.000	x				Hà Thị Thu Hiền	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
25	53	4/28/2008	84	6/20/2025	Theo yêu cầu	60.000	-	60.000	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
26	78	11/22/2024	02	7/8/2025	Theo yêu cầu	1.366.059	-	1.366.059	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
27	29	6/3/2025	04	7/10/2025	Chú động	4.000	-	4.000	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
28	29	6/3/2025	05	7/10/2025	Chú động	12.000	-	12.000	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
29	28	5/28/2025	09	7/10/2025	Chú động	25.346	5.566	19.780	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
30	14	3/11/2025	22	7/10/2025	Chú động	1.095.029	1.201	1.093.828	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
31	01	6/3/2025	23	7/10/2025	Chú động	300	150	150	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
32	02	6/18/2025	24	7/10/2025	Chú động	300	150	150	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
33	28	5/28/2025	07	7/10/2025	Chú động	400	200	200	x				Nguyễn Khuông Thương	Phòng Nghiệp vụ & tổ chức thi hành án	
II	CÁC KHU VỰC		256	-	256	35.211.194	10.511.083	24.700.111	255	-	1	124	256	256	-
II.1	Khu vực I		94		94	24.859.763	9.638.160	15.221.603	93	-	1	49	94	94	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	01/2016/DS ST	10/14/2016	62	11/22/2016	Theo yêu cầu	118.670	18.000	100.670			Trú vào thu nhập của người phát thi hành án	7/22/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
2	03/2018/DS ST	3/21/2018	222	6/6/2018	Theo yêu cầu	6.000	4.500	1.500	x			7/8/2019	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
3	01/2021/DS ST	11/30/2021	227	5/19/2022	Theo yêu cầu	1.697.400	28.000	1.669.400	x			6/28/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
4	08/2023/HS ST	1/5/2023	119	2/10/2023	Chú động	37.000	10.500	26.500	x			8/22/2023	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
5	06/2023/DS ST	9/29/2023	160	2/20/2024	Theo yêu cầu	384.800	88.733	296.067	x			5/21/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
6	06/2023/DS ST	9/29/2023	161	2/20/2024	Theo yêu cầu	489.666	112.932	376.734	x			5/21/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
7	03/2023/DS ST	12/20/2023	205	4/5/2024	Theo yêu cầu	4.012.391	1.785.595	2.226.796	x			7/18/2024	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
8	02/2023/DS ST	11/22/2023	122	12/25/2023	Chú động	31.500	-	31.500	x			5/23/2024	Bùi Ngọc Linh	Chi cục THADS thành phố Lai Châu	
9	02/2023/DS ST	11/22/2023	234	5/10/2024	Theo yêu cầu	705.000	-	705.000	x			5/23/2024	Bùi Ngọc Linh	Chi cục THADS thành phố Lai Châu	
10	05/2023/DS ST	8/8/2023	316	9/11/2023	Chú động	38.110	1.000	37.110	x			11/3/2023	Bùi Ngọc Linh	Chi cục THADS thành phố Lai Châu	Thi hành điều theo thông
11	49/2019/H NGĐ	6/28/2019	34	10/14/2024	Theo yêu cầu	36.000	27.000	9.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
12	01/2017/H NGĐ	3/10/2017	18	10/10/2024	Theo yêu cầu	12.000	9.000	3.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
13	05/2016/H NGĐ	11/18/2016	33	10/14/2024	Theo yêu cầu	12.000	9.000	3.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
14	30/2019/H NGĐ	5/16/2019	37	10/14/2024	Theo yêu cầu	36.000	30.000	6.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
15	93/2019/H NGĐ	11/14/2019	35	10/14/2024	Theo yêu cầu	24.000	20.000	4.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
16	43/2017/H NGĐ	7/4/2017	43	10/16/2024	Theo yêu cầu	24.000	22.000	2.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
17	01/2019/H NGĐ	1/15/2019	44	10/16/2024	Theo yêu cầu	18.000	13.500	4.500	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
18	48/2021/H NGĐ	5/12/2021	45	10/17/2024	Theo yêu cầu	24.000	18.000	6.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
19	41/2012/H NGĐ	8/8/2012	108	12/20/2024	Theo yêu cầu	12.000	9.000	3.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
20	07/2024/DS ST	9/19/2024	79	11/7/2024	Theo yêu cầu	7.316.178	6.884.683	431.495	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	
21	12/2022/DS ST	9/27/2022	90	12/2/2024	Theo yêu cầu	366.275	10.000	356.275	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KVI - Lai Châu	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
22	02/2024/DS ST	11/28/2024	133	12/2/2024	Chú đồng	47.725	-	47.725	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
23	11/2022/H NGĐ	12/20/2022	136	1/6/2025	Theo yêu cầu	18.000	14.000	4.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
24	02/2024/DS ST	11/28/2024	139	1/13/2025	Theo yêu cầu	1.190.820	-	1.190.820	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
25	174/2024/H SST	12/19/2024	190	2/18/2025	Chú đồng	1.932	327	1.605	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
26	03/2023/DS ST	8/21/2023	228	3/24/2025	Theo yêu cầu	210.500	25.000	185.500	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
27	06/2025/DS ST	3/14/2025	259	4/15/2025	Chú đồng	12.000	-	12.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
28	09/2024/DS ST	9/26/2024	264	4/15/2025	Chú đồng	600	300	300	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
29	06/2025/DS ST	3/14/2025	293	5/19/2025	Theo yêu cầu	240.000	-	240.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
30	09/2024/DS ST	9/26/2024	297	5/21/2025	Theo yêu cầu	14.000	-	14.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
31	50/2025/HS ST	4/23/2025	301	5/28/2025	Chú đồng	27.665	8.000	19.665	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
32	04/2025/DS ST	6/10/2025	319	6/13/2025	Chú đồng	48.000	-	48.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
33	59/2025/HS ST	6/4/2025	30	7/11/2025	Chú đồng	26.096	23.696	2.400	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
34	59/2025/HS ST	6/4/2025	31	7/11/2025	Chú đồng	73.900	1.000	72.900	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
35	59/2025/HS ST	6/4/2025	32	7/11/2025	Chú đồng	39.900	1.000	38.900	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
36	26/2025/HS ST	6/6/2025	35	7/11/2025	Chú đồng	5.000	-	5.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
37	56/2025/HS ST	5/28/2025	37	7/14/2025	Chú đồng	201	1	200	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
38	58/2025/HS ST	5/29/2025	39	7/14/2025	Chú đồng	4.201	201	4.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
39	58/2025/HS ST	5/29/2025	40	7/14/2025	Chú đồng	5.000	-	5.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
40	02/2025/DS ST	4/25/2025	62	7/14/2025	Chú đồng	16.965	-	16.965	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
41	30/2025/HS ST	2/24/2025	67	7/18/2025	Chú đồng	862.140	10.400	851.740	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
42	30/2025/HS ST	2/24/2025	68	7/18/2025	Chú đồng	590.000	58.400	531.600	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
43	30/2023/HS ST	2/24/2025	69	7/18/2025	Chú động	191.400	58.400	133.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
44	30/2023/HS ST	2/24/2025	70	7/18/2025	Chú động	6.000	-	6.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
45	01/2025/DS ST	3/6/2025	71	7/18/2025	Chú động	13.100	600	12.500	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
46	01/2025/DS ST	3/6/2025	72	7/18/2025	Chú động	6.250	-	6.250	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
47	23/2025/HS ST	6/6/2025	73	7/18/2025	Chú động	2.503	1.803	700	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
48	23/2025/HS ST	6/6/2025	74	7/18/2025	Chú động	2.000	-	2.000	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
49	05/2023/H NGD	7/14/2025	81	7/18/2025	Chú động	300	150	150	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
50	01/2023/H NGD	7/3/2025	82	7/18/2025	Chú động	300	-	300	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
51	01/2023/H NGD	7/8/2025	83	7/21/2025	Chú động	300	150	150	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
52	04/2023/DS ST	12/7/2023	207	4/15/2024	Theo yêu cầu	625.520	45.538	579.982	x				Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
53	01/DSST	10/27/2010	28QB-CCTH	11/29/2010	Chú động	10.700	5.696	5.004	x			4/10/2023	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
54	03/QDST- DS	9/23/2021	52/QB-CCTH	12/28/2021	Theo yêu cầu	27.302	8.000	19.302	x			6/10/2024	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
55	11/KDTM	9/8/2022	77/QB-CCTH	4/6/2023	Theo yêu cầu	138.502	30.502	108.000	x			6/26/2024	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
56	01/KDTM	3/29/2023	79/QB-CCTH	4/7/2023	Chú động	14.432	-	14.432	x			6/26/2024	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
57	11/KDTM	9/8/2022	115/QB-CCTH	6/6/2023	Chú động	6.900	-	6.900	x			6/26/2024	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
58	01/KDTM	3/29/2023	57/QB-CCTH	1/9/2024	Theo yêu cầu	200.000	50.000	150.000	x			7/3/2024	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
59	03/QDST- DS	6/11/2024	133/QB-CCTH	7/4/2024	Chú động	-	-	-	x				Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
60	01/DSST	8/2/2023	04/QB-CCTH	10/18/2023	Theo yêu cầu	29.710	-	29.710	x			12/3/2024	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
61	08/HSST	1/5/2023	57/QB-CCTH	2/21/2023	Chú động	10.000	7.000	3.000	x			3/26/2025	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
62	16/HSST	12/29/2020	69/QB-CCTH	1/10/2025	Theo yêu cầu	9.000	-	9.000	x			1/15/2025	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
63	14/HSST	5/10/2024	71/QB-CCTH	1/21/2025	Chú động	10.000	200	9.800	x			1/27/2025	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
64	53/HSST	8/6/2024	82/QĐ-CCTH	4/1/2025	Theo yêu cầu	13.927	-	13.927	X			4/3/2025	Bút Quốc Khánh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
65	705/HSPT	8/21/2007	20/QĐ-CCTH	10/8/2024	Chú động	7.581	1.000	6.581	X			4/25/2025	Bút Quốc Khánh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
66	152/HSST	9/27/2023	34/QĐ-CCTH	11/21/2023	Chú động	15.000	8.000	7.000	X			4/4/2025	Bút Quốc Khánh	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
67	35/HSST	2/27/2025	242/QĐ-CCTH	4/3/2025	Chú động	10.000	3.000	7.000	x			4/18/2025	Trần Văn Dũng	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
68	35/HSST	2/27/2025	243/QĐ-CCTH	4/3/2025	Chú động	10.000	3.000	7.000	x			4/19/2025	Trần Văn Dũng	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
69	35/HSST	2/27/2025	244/QĐ-CCTH	4/3/2025	Chú động	10.000	3.000	7.000	x			4/17/2025	Trần Văn Dũng	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
70	02/QĐST- DS	3/31/2025	272/QĐ-CCTH	4/28/2025	Theo yêu cầu	160.800	30.000	130.800	x			5/16/2025	Trần Văn Dũng	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
71	17	5/13/2017	214	3/12/2025	Theo yêu cầu	14.000	8.000	6.000	x			10/16/2024	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
72	14	3/10/2025	207	3/10/2025	Theo yêu cầu	552.797	-	552.797	x			3/31/2025	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
73	106	9/6/2024	344	9/10/2024	Chú động	13.300	7.000	6.300	x			12/30/2024	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
74	106	9/6/2024	124	12/27/2024	Theo yêu cầu	100.000	-	100.000	x			6/27/2025	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
75	92	11/14/2019	49	10/24/2024	Theo yêu cầu	24.000	17.000	7.000	x			11/6/2024	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
76	102	3/17/2023	57	10/31/2024	Theo yêu cầu	57.000	9.000	48.000	x			12/2/2024	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
77	11	9/30/2024	68	11/4/2024	Chú động	44.264	-	44.264	x			12/9/2024	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
78	11	9/30/2024	71	11/5/2024	Theo yêu cầu	1.075.475	-	1.075.475	x			12/9/2024	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
79	14	1/15/2025	191	2/18/2025	Chú động	26.111	5.111	21.000	x			3/5/2025	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
80	101	3/21/2022	179	4/8/2022	Theo yêu cầu	40.000	20.000	20.000	x			7/2/2024	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
81	65	9/24/2022	36	10/28/2022	Chú động	11.947	9.047	2.900	x			11/17/2022	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
82	15	5/12/2010	216	3/18/2025	Theo yêu cầu	12.000	6.000	6.000	x				Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
83	10	10/30/2024	150	1/17/2025	Theo yêu cầu	940.000	9.100	930.900	x			6/18/2025	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
84	89	4/17/2024	300	7/19/2024	Chú động	4.294	3.395	899	x			7/29/2024	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
85	13	1/6/2025	181	2/11/2025	Chú động	8.613	-	8.613	x			6/24/2025	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
86	13	1/6/2025	217	3/18/2025	Theo yêu cầu	172.273	-	172.273	x			6/24/2025	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
87	12	1/5/2022	197	2/24/2025	Theo yêu cầu	1.042.838	-	1.042.838	x			5/20/2025	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
88	12	1/5/2022	198	2/24/2025	Chú động	43.285	7.500	35.785	x			5/20/2025	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
89	45	7/5/2022	343	8/16/2022	Chú động	6.000	2.000	4.000	x			6/10/2024	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
90	1	12/29/2023	206	4/15/2024	Theo yêu cầu	64.000	29.600	34.400	x			2/21/2025	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
91	16	8/18/2010	50	10/24/2024	Theo yêu cầu	7.200	5.400	1.800	x				Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
92	10	9/26/2024	311	6/9/2025	Theo yêu cầu	132.356	-	132.356	x			6/20/2025	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
93	1	5/13/2025	323	6/17/2025	Chú động	20.648	-	20.648	x			6/27/2025	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
94	66	5/14/2025	328	6/27/2025	Chú động	80.200	200	80.000	x			7/23/2025	Bút Quốc Tuấn	Phòng THADS KV1 - Lai Châu	
11.2	Khu vực 2		82		82	8.010.949	359.771	7.651.178	82	-	-	54	82	82	
1	07/2017/Q DST-DS	9/27/2017	08	10/5/2017	Chú động	23.500	4.000	19.500	x			1/20/2025	Đồ Khắc Tùng	Khu vực 2	
2	01/2018/DS -ST	11/22/2018	261	8/22/2019	Theo yêu cầu	11.876	6.600	5.276	x			11/28/2023	Đồ Khắc Tùng	Khu vực 2	
3	03/2021/Q DST-DS	12/24/2021	170	4/9/2024	Theo yêu cầu	50.000	4.000	46.000	x			8/6/2024	Đồ Khắc Tùng	Khu vực 2	
4	02/2023/Q DST-DS	2/16/2023	228	7/3/2023	Theo yêu cầu	470.000	28.000	442.000	x			9/10/2024	Đồ Khắc Tùng	Khu vực 2	
5	120/2023/H S-ST	8/23/2023	19	10/16/2023	Chú động	31.685	7.500	24.185	x			7/21/2024	Đồ Khắc Tùng	Khu vực 2	
6	01/2023/DS -ST	8/15/2023	26	10/16/2023	Chú động	4.227	-	4.227	x			9/18/2024	Đồ Khắc Tùng	Khu vực 2	
7	01/2023/DS -ST	8/15/2023	91	11/23/2023	Theo yêu cầu	344.232	-	344.232	x			9/18/2024	Đồ Khắc Tùng	Khu vực 2	
8	24/2023/Q DST- HNKD 18/2020/Q	2/28/2023	31	10/9/2024	Theo yêu cầu	48.000	43.000	5.000	x			12/25/2024	Đồ Khắc Tùng	Khu vực 2	
9	DST- HNKD	2/14/2020	52	11/1/2024	Theo yêu cầu	12.000	9.000	3.000	x			12/25/2024	Đồ Khắc Tùng	Khu vực 2	
10	10/2024/DS -ST	9/30/2024	53	11/8/2024	Chú động	72.643	-	72.643	x			11/28/2024	Đồ Khắc Tùng	Khu vực 2	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
11	08/2024/DS-ST	9/20/2024	93	12/5/2024	Theo yêu cầu	1	-	1	x			12/26/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
12	10/2024/DS-ST	9/30/2024	98	12/17/2024	Theo yêu cầu	2.035.170	-	2.035.170	x			12/29/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
13	03/2024/DS-TC-TC	5/24/2024	292	8/7/2024	Theo yêu cầu	19.311	3.000	16.311	x			11/22/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
14	01/2024/DS-PT	12/27/2024	137	2/6/2025	Chủ động	2.800	925	1.875	x			3/7/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
15	01/2024/Q-ĐST-HNGĐ	11/1/2024	139	2/6/2024	Theo yêu cầu	11.000	8.000	3.000	x			3/7/2025	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	Thực hiện CDNC định kỳ hàng tháng
16	06/2020/Q-ĐST-DS	9/3/2020	158	2/18/2025	Theo yêu cầu	100.000	-	100.000	x			11/22/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
17	01/2024/DS-PT	12/27/2024	159	2/20/2025	Theo yêu cầu	25.000	-	25.000	x			12/26/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
18	04/2025/DS-PT	4/11/2025	202	5/6/2025	Chủ động	2.172	150	2.022	x				Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
19	04/2025/DS-PT	4/11/2025	203	5/6/2025	Chủ động	4.154	1.650	2.504	x				Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
20	04/2020/DS-ST	5/21/2020	191	5/22/2020	Theo yêu cầu	984.408	36.824	947.584	x				Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
21	08/2021/H-NGĐ-ST	9/27/2021	61	12/6/2021	Theo yêu cầu	904.867	33.991	870.876	x				Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
22	77/2025/HS-ST	5/26/2025	56	7/14/2025	Chủ động	100	40	60	x				Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
23	74/2025/HS-ST	5/26/2025	53	7/14/2025	Chủ động	-	-	-	x				Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
24	73/2025/HS-ST	5/26/2025	51	7/14/2025	Chủ động	-	-	-	x				Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
25	76/2025/HS-ST	5/26/2025	55	7/14/2025	Chủ động	-	-	-	x				Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
26	01/2025/Q-ĐST-KDTM	1/20/2025	160	2/25/2025	Theo yêu cầu	138.313	80.000	58.313	x			12/29/2024	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
27	53/2023/HS-ST	4/5/2023	105	12/5/2023	Chủ động	78.000	7.000	71.000	x				Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
28	02/2021/Q-ĐST-DS	12/21/2021	109	2/17/2022	Theo yêu cầu	10.623	2.000	8.623	x				Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
29	07/2019/Q-ĐST-DS	8/21/2024	171	4/9/2024	Theo yêu cầu	106.000	2.000	104.000	x				Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
30	01/DSST	11/16/2020	138	5/16/2022	Theo yêu cầu	115.000	-	115.000	x			8/8/2023	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
31	03/QĐST-DS	6/4/2017	36	1/5/2018	Theo yêu cầu	5.500	-	5.500	x			4/16/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
32	19/HNGD	5/22/2019	143	6/21/2021	Theo yêu cầu	13.800	-	13.800	x			4/27/2023	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
33	01/QDST-DS	3/11/2021	192	9/6/2021	Theo yêu cầu	12.000	-	12.000	x			8/31/2021	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
34	01/QDST-DS	3/11/2021	127	6/1/2021	Theo yêu cầu	12.000	-	12.000	x			8/31/2021	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
35	70/HSST	8/3/2022	03	10/5/2022	Chỉ động	2.250	-	2.250	x			10/26/2022	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
36	70/HSST	8/3/2022	04	10/5/2022	Chỉ động	2.250	-	2.250	x			10/26/2022	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
37	02/DSST	6/27/2023	240	8/3/2023	Theo yêu cầu	26.026	-	26.026	x			1/31/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
38	01/DSST	2/7/2020	112	1/16/2024	Theo yêu cầu	241.500	-	241.500	x			5/10/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
39	02/QDDST-ST	8/22/2023	128	2/26/2024	Theo yêu cầu	2.500	-	2.500	x			9/5/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
40	03/DSST	9/29/2023	168	4/9/2024	Chỉ động	0	-	0	x			7/9/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	Trà tại TS
41	03/QDCNH GT-DS	12/8/2023	186	5/9/2024	Theo yêu cầu	15.000	-	15.000	x			5/29/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
42	05/QDCNH GT-DS	6/28/2023	201	6/3/2024	Theo yêu cầu	11.505	-	11.505	x			7/16/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
43	62/HSST	8/24/2023	206	6/10/2024	Chỉ động	15.000	-	15.000	x			5/20/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
44	01/QDST-DS	4/22/2024	233	7/15/2024	Theo yêu cầu	13.298	1.300	11.998	x				Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
45	05/QDCNH GT-DS	6/3/2024	234	7/23/2024	Theo yêu cầu	140.000	40.000	100.000	x			7/31/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
46	07/QDCNH GT-DS	8/1/2024	262	8/12/2024	Theo yêu cầu	7.000	-	7.000	x			8/22/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
47	01/DSST	8/30/2019	265	8/26/2024	Theo yêu cầu	80.996	-	80.996	x			9/5/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
48	07/QDST-DS	9/7/2023	12	8/12/2024	Theo yêu cầu	200.000	-	200.000	x				Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
49	15/QDST-HNGD	3/19/2014	18	9/30/2024	Theo yêu cầu	12.000	6.000	6.000	x			8/27/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
50	91	9/26/2024	99	2/10/2025	Theo yêu cầu	40.916	28.416	12.500	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
51	34/HNGD	9/15/2017	128	2/25/2025	Theo yêu cầu	31.500	1.875	29.625	x				Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
52	01/DSST	1/7/2025	135	3/17/2025	Theo yêu cầu	1.430.000	-	1.430.000	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
53	37	2/17/2025	140	3/25/2025	Chủ động	3.200	200	3.000	x				Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
54	01	12/12/2024	142	4/1/2025	Theo yêu cầu	5.000	2.000	3.000	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
55	332	12/30/2024	143	4/9/2025	Chủ động	1.750	-	1.750	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
56	17	2/2/2021	153	4/21/2025	Theo yêu cầu	30.000	2.000	28.000	x			8/27/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
57	42	3/28/2025	160	5/19/2025	Chủ động	697	200	497	x			8/30/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
58	48	4/24/2025	169	6/2/2025	Chủ động	-	-	-	x				Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
59	55	4/25/2025	179	6/2/2025	Chủ động	500	-	500	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
60	59	4/25/2025	182	6/2/2025	Chủ động	500	100	400	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
61	147	9/28/2023	186	7/23/2025	Chủ động	200	-	200	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
62	01	5/19/2025	194	6/24/2025	Chủ động	-	-	-	x				Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
63	231	8/16/2024	197	6/24/2025	Chủ động	200	-	200	x				Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
64	72	5/26/2025	50	7/14/2025	Chủ động	7.200	-	7.200	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
65	71	5/26/2025	49	7/14/2025	Chủ động	2.170	-	2.170	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
66	70	5/26/2025	48	7/14/2025	Chủ động	500	-	500	x			1/20/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
67	29	5/26/2025	47	7/14/2025	Chủ động	50	-	50	x			11/28/2023	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
68	68	5/26/2025	46	7/14/2025	Chủ động	-	-	-	x			8/6/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
69	67	5/26/2025	45	7/14/2025	Chủ động	-	-	-	x			9/10/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
70	02	6/3/2025	46	7/11/2025	Theo yêu cầu	3.891	-	3.891	x			7/21/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
71	75	6/27/2025	01	7/11/2025	Chủ động	1.000	-	1.000	x			9/18/2024	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
72	01	6/26/2025	58	7/14/2025	Chủ động	15.734	-	15.734	x			9/18/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
73	01	6/26/2025	59	7/14/2025	Chủ động	15.734	-	15.734	x			12/25/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
74	2	6/3/2025	60	7/14/2025	Chú động	300	-	300	x			12/25/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
75	2	6/3/2025	61	7/14/2025	Chú động	300	-	300	x			11/28/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
76	33	6/20/2025	25	7/10/2025	Chú động	200	-	200	x			12/26/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
77	21	6/16/2025	26	7/10/2025	Chú động	200	-	200	x			12/29/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
78	12	5/20/2025	93	7/21/2025	Chú động	300	-	300	x			11/22/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
79	15	6/10/2025	94	7/21/2025	Chú động	300	-	300	x			3/7/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
80	16	6/10/2025	95	7/21/2025	Chú động	300	-	300	x				Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
81	17	6/13/2025	96	7/21/2025	Chú động	300	-	300	x			12/29/2024	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
82	01	7/15/2025	97	7/21/2025	Chú động	300	-	300	x			3/7/2025	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
11.3	Khu vực 3		25		25	920.221	92.752	827.469	25	-	-	1	25	25	
1	11/HSST	9/16/2021	10	7/28/2023	Theo yêu cầu	1	-	1	x			11/23/2023	Lê Bá Linh	Phòng THADS KV3	
2	02/HST	9/29/2023	31	11/2/2023	Chú động	29.713	-	29.713	x				Trần Văn Tùng	Phòng THADS KV3	
3	02/HSST	9/29/2023	02	12/7/2023	Theo yêu cầu	642.824	30.000	612.824	x				Trần Văn Tùng	Phòng THADS KV3	
4	03/HSST	7/19/2024	200	8/1/2024	Chú động	25.447	9.001	16.446	x				Trần Văn Tùng	Phòng THADS KV3	
5	04/HSST	7/19/2024	218	8/12/2024	Chú động	15.516	5.000	10.516	x				Trần Văn Tùng	Phòng THADS KV3	
6	09/HSST	12/26/2022	04	4/2/2025	Chú động	24.000	-	24.000	x				Trần Văn Tùng	Phòng THADS KV3	
7	56	6/25/2025	174	6/26/2025	Chú động	300	150	150	x				Trần Văn Tùng	Phòng THADS KV3	
8	62	6/30/2025	76	7/18/2025	Chú động	300	150	150	x				Trần Văn Tùng	Phòng THADS KV3	
9	20	6/27/2025	80	7/18/2025	Chú động	600	300	300	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS KV3	
10	61	6/27/2025	75	7/18/2025	Chú động	300	150	150	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS KV3	
11	65	6/10/2025	90	7/21/2025	Chú động	1	-	1	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS KV3	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
12	67	5/29/2025	85	7/21/2025	Chú động	10.401	-	10.401	x				Lê Bá Linh	Phòng THADS KV3	
13	14	6/24/2025	87	7/21/2025	Chú động	1	1		x				Trần Văn Tùng	Phòng THADS KV3	
14	68	6/10/2025	91	7/21/2025	Chú động	15.001	-	15.001	x				Trần Văn Tùng	Phòng THADS KV3	
15	16	7/3/2025	85	7/21/2025	Chú động	200	-	200	x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS KV3	
16	16	7/3/2025	89	7/21/2025	Chú động	12.000	-	12.000	x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS KV3	
17	66	6/16/2025	105	7/24/2025	Chú động	8.200	8.000	200	x				Trần Văn Tùng	Phòng THADS KV3	
18			106	4/24/2025	Chú động	1		1	x				Trần Văn Tùng	Phòng THADS KV3	
19	2	7/10/2025	111	7/24/2025	Chú động	300	-	300	x				Trần Văn Tùng	Phòng THADS KV3	
20			10	10/15/2024	Theo yêu cầu	18.000	15.000	3.000	x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS KV3	
21			11	10/15/2024	Theo yêu cầu	12.000	10.000	2.000	x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS KV3	
22			26	10/23/2024	Theo yêu cầu	12.000	10.000	2.000	x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS KV3	
23			109	3/10/2025	Chú động	20.000	5.000	15.000	x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS KV3	
24			115	4/8/2025	Theo yêu cầu	1	-	1	x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS KV3	
25			1	11/11/2024	Theo yêu cầu	73.114	-	73.114	x				Phan Đình Lâm	Phòng THADS KV3	
11.4	Khu vực 4		55		55	1.420.261	420.400	999.861	55	-	-	20	55	55	
1	02	7/17/2025	104	7/22/2025	Chú động	300	150	150	x				Chu Gò Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
2	01	7/8/2025	44	7/14/2025	Chú động	300	150	150	x				Chu Gò Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
3	01	7/11/2025	103	7/22/2025	Chú động	300	150	150	x				Chu Gò Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
4	09	6/27/2025	66	7/14/2025	Chú động	300	150	150	x				Chu Gò Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
5	07	6/26/2025	64	7/14/2025	Chú động	300	150	150	x				Chu Gò Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
6	08	6/26/2025	65	7/14/2025	Chú động	300	150	150	x				Chu Gò Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)+(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
7	17	6/5/2025	63	7/14/2025	Chú động	200	-	200	x				Chú Gò Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
8	32	7/25/2016	42	4/10/2025	Theo yêu cầu	500	-	500	x				Chú Gò Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
9	08	4/10/2024	34	2/18/2025	Theo yêu cầu	1.000	-	1.000	x				Chú Gò Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
10	06	6/10/2025	54	6/11/2025	Chú động	300	150	150	x				Chú Gò Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
11	02	12/15/2015	09	10/16/2024	Theo yêu cầu	24.000	18.000	6.000	x				Chú Gò Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
12	26	5/20/2020	10	10/22/2024	Theo yêu cầu	47.500	40.000	7.500	x				Chú Gò Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
13	16	4/22/2025	51	5/26/2025	Theo yêu cầu	17.400	200	17.200	x			6/11/2025	Chú Gò Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
14	01	1/29/2021	83	3/5/2021	Chú động	16.050	300	15.750	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
15	48	1/21/2025	124	3/3/2025	Theo yêu cầu	5.000	-	5.000	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
16	04	3/11/2012	23	10/17/2023	Theo yêu cầu	12.000	8.000	4.000	x			5/8/2025	Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
17	03	10/1/2018	74	12/27/2024	Theo yêu cầu	18.000	10.500	7.500	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
18	80	7/25/2024	193	8/29/2024	Chú động	25.200	7.200	18.000	x			5/20/2025	Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
19	141	9/25/2023	49	11/2/2023	Chú động	15	-	15	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
20	08	5/5/2020	65	12/27/2024	Chú động	300	150	150	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
21	04	5/4/2019	66	12/27/2024	Chú động	300	150	150	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
22	134	9/19/2023	31	10/30/2023	Chú động	25	-	25	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
23	80	7/25/2024	191	8/29/2024	Chú động	74.151	10.200	63.951	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
24	89	5/22/2025	205	6/25/2025	Chú động	15.000	-	15.000	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
25	86	5/22/2025	202	6/25/2025	Chú động	19.000	-	19.000	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
26	20	6/4/2025	194	6/6/2025	Chú động	300	150	150	x				Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
27	35	2/2/2021	110	5/10/2021	Chú động	15.000	-	15.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
28	84	5/22/2025	199	6/25/2025	Chú đồng	700	-	700	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
29	88	5/22/2025	203	6/25/2025	Chú đồng	16.000	-	16.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
30	64	3/26/2025	196	6/23/2025	Chú đồng	570	-	570	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
31	34	1/16/2025	106	2/3/2025	Chú đồng	2.000	-	2.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
32	85	5/22/2025	201	6/25/2025	Chú đồng	6.000	-	6.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
33	28	1/15/2025	99	3/3/2025	Chú đồng	100	-	100	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
34	01	1/29/2021	72	12/27/2024	Chú đồng	300	-	300	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
35	12	10/2/2019	69	12/27/2024	Chú đồng	300	150	150	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
36	14	6/30/2020	68	12/27/2024	Chú đồng	300	150	150	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
37	43	1/23/2024	125	2/29/2024	Chú đồng	60.000	13.200	46.800	x			3/18/2024	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
38	116	9/27/2022	15	11/11/2022	Chú đồng	81.140	-	81.140	x			10/22/2024	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
39	43	1/23/2024	128	2/29/2024	Chú đồng	63.200	4.200	59.000	x			3/15/2024	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
40	01	3/19/2024	132	3/25/2024	Chú đồng	50.101	-	50.101	x			4/10/2024	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
41	51	5/16/2011	135	4/5/2024	Chú đồng	24.250	-	24.250	x			3/14/2025	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
42	04	11/28/2016	134	4/5/2024	Chú đồng	31.881	-	31.881	x			3/14/2025	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
43	02	9/26/2024	130	3/14/2025	Chú đồng	19.150	300	18.850	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
44	04	11/7/2024	56	12/18/2024	Chú đồng	300	-	300	x			12/26/2024	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
45	26	1/15/2025	95	3/3/2025	Chú đồng	20.006	200	19.806	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
46	37	1/16/2025	108	3/3/2025	Chú đồng	48.640	-	48.640	x			4/11/2025	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
47	03	12/9/2014	01	10/4/2021	Theo yêu cầu	24.000	14.000	10.000	x			4/18/2025	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
48	01	7/17/2023	15	10/6/2023	Theo yêu cầu	103.800	95.300	8.500	x			4/10/2024	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
49	07	4/2/2021	65	1/17/2022	Theo yêu cầu	212.610	22.000	190.610	x			3/15/2025	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
50	06	3/25/2021	56	1/6/2022	Theo yêu cầu	109.260	19.000	90.260	x			3/20/2025	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
51	01	8/31/2016	37	12/13/2021	Theo yêu cầu	31.500	-	31.500	x			2/6/2024	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
52	04	3/8/2021	66	11/16/2023	Theo yêu cầu	28.000	7.000	21.000	x			11/21/2023	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
53	14	7/7/2017	76	12/11/2023	Theo yêu cầu	14.000	3.000	11.000	x			3/20/2025	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
54	95	9/28/2021	50	12/12/2024	Theo yêu cầu	28.000	-	28.000	x			12/27/2024	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
55	02	5/27/2014	05	10/6/2014	Theo yêu cầu	151.112	146.000	5.112	x			6/10/2021	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]
Cp. Cpp. Kim. Vinh

TRƯỞNG THỊ HÀNH AN DÂN SỰ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[Signature]
Trần Công Hoàng



A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
28	84	5/22/2025	199	6/25/2025	Chủ động	700	-	700	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
29	88	5/22/2025	203	6/25/2025	Chủ động	16.000	-	16.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
30	64	3/26/2025	196	6/23/2025	Chủ động	570	-	570	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
31	34	1/16/2025	106	2/3/2025	Chủ động	2.000	-	2.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
32	85	5/22/2025	201	6/25/2025	Chủ động	6.000	-	6.000	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
33	28	1/15/2025	99	3/3/2025	Chủ động	100	-	100	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
34	01	1/29/2021	72	12/27/2024	Chủ động	300	-	300	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
35	12	10/2/2019	69	12/27/2024	Chủ động	300	150	150	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
36	14	6/30/2020	68	12/27/2024	Chủ động	300	150	150	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
37	43	1/23/2024	125	2/29/2024	Chủ động	60.000	13.200	46.800	x			3/18/2024	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
38	116	9/27/2022	15	11/11/2022	Chủ động	81.140	-	81.140	x			10/22/2024	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
39	43	1/23/2024	128	2/29/2024	Chủ động	63.200	4.200	59.000	x			3/15/2024	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
40	01	3/19/2024	132	3/25/2024	Chủ động	50.101	-	50.101	x			4/10/2024	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
41	51	5/16/2011	135	4/5/2024	Chủ động	24.250	-	24.250	x			3/14/2025	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
42	04	11/28/2016	134	4/5/2024	Chủ động	31.881	-	31.881	x			3/14/2025	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
43	02	9/26/2024	130	3/14/2025	Chủ động	19.150	300	18.850	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
44	04	11/7/2024	56	12/18/2024	Chủ động	300	-	300	x			12/26/2024	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
45	26	1/15/2025	95	3/3/2025	Chủ động	20.006	200	19.806	x				Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
46	37	1/16/2025	108	3/3/2025	Chủ động	48.640	-	48.640	x			4/11/2025	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
47	03	12/9/2014	01	10/4/2021	Theo yêu cầu	24.000	14.000	10.000	x			4/18/2025	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
48	01	7/17/2023	15	10/6/2023	Theo yêu cầu	103.800	95.300	8.500	x			4/10/2024	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI HOÀN THI HÀNH ÁN THEO ĐIỂM C KHOẢN 1 ĐIỀU 48 QUÝ III NĂM 2025

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000d)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000d)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000d)	Căn cứ ra quyết định hoãn thi hành án	Ngày, tháng, năm ra quyết định hoãn thi hành án dân sự	Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Cộng														
I	THADS TỈNH		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1														
2								-						
3								-						
4								-						
5								-						
II	CÁC KHU VỰC		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
II.1	Khu vực 1		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1								-						
2								-						
3								-						
4								-						
5								-						
II.3	Khu vực 2		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1								-						
2								-						
3								-						
4								-						

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Căn cứ ra quyết định hoãn thi hành án	Ngày, tháng, năm ra quyết định hoãn thi hành án dân sự	Ngày, tháng, năm xác minh gần nhất	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
5								-						
II.2	Khu vực 3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-						
2								-						
3								-						
4								-						
5								-						
II.4	Khu vực 24	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-						
2								-						
3								-						
4								-						
5								-						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]

Lê Thị Kim Sinh

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



[Signature]

Trần Công Hoàng

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI HOÀN THI HÀNH ÁN (TRỪ ĐIỂM C KHOẢN 1 ĐIỀU 48) QUÝ III NĂM 2025

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Căn cứ ra quyết định hoàn thi hành án	Ngày, tháng, năm ra quyết định hoàn thi hành án dân sự	Ngày, tháng, năm nhận được yêu cầu hoàn	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
Cộng						870.500	-	870.500	2	2	2	2		
1	THADS TỈNH													
1														
2														
3														
4														
5														
11	CÁC KH	2	2		2	870.500	-	870.500	2	2	2	2		
11.1	Khu vực 1	2	2		2	870.500	-	870.500	2	2	2	2		
1	12	6/21/2024	308	7/29/2024	Chú động	40.500	-	40.500	Điểm d K1 Điều 48	4/21/2025	4/21/2025	Bút Quốc Tuấn		
2	12	6/21/2024	313	7/31/2024	Theo yêu cầu	830.000	-	830.000	Điểm d K1 Điều 48	4/21/2025	4/21/2025	Bút Quốc Tuấn		
3														
4														
5														
11.2	Khu vực 2	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-		
1														
2														
3														
4														
5														
11.23	Khu vực 3	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-		
1														
2														
3														
4														

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Căn cứ ra quyết định hoãn thi hành án	Ngày, tháng, năm ra quyết định hoãn thi hành án dân sự	Ngày, tháng, năm nhận được yêu cầu hoãn	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
5								-						
II.4	Khu vực 4	-	-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1								-						
2								-						
3								-						
4								-						
5								-						

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]

Lê Thị Kim Sinh

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



[Signature]

Trần Công Hoàng

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI TẠM ĐÌNH CHỈ THI HÀNH ÁN QUÝ III NĂM 2025

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra quyết định	Số quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Căn cứ tạm đình chỉ thi hành án	Tạm đình chỉ theo kháng nghị người có thẩm quyền			Cơ quan Thi hành án dân sự tạm đình chỉ			Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
										Số văn bản kháng nghị	Ngày tháng năm	Người ban hành văn bản (họ tên, chức vụ)	Số quyết định	Ngày tháng năm	Ngày nhận thông báo của Tòa án về thụ lý đơn yêu cầu phá sản			
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
Cộng																		
1	THADS TỈNH																	
1																		
2																		
3																		
4																		
5																		
II	CÁC KHU VỰC																	
II.1	Khu vực I																	
1																		
2																		
3																		
4																		
5																		
II.	Khu vực 3																	
1																		
2																		
3																		
4																		

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra quyết định	Số Quyết định TTHA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định TTHA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Căn cứ tạm đình chỉ thi hành án	Tạm đình chỉ theo kháng nghị người có thẩm quyền			Cơ quan Thi hành án dân sự tạm đình chỉ			Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
										Số văn bản kháng nghị	Ngày tháng năm	Người ban hành văn bản (họ tên, chức vụ)	Số quyết định	Ngày tháng năm	Ngày nhận thông báo của Tòa án về thụ lý đơn yêu cầu phá sản			
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)
5								-										
II.4	Khu vực 4		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1								-										
2								-										
3								-										
4								-										
5								-										
II.2	Khu vực 2		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-			
1								-										
2								-										
3								-										
4								-										
5								-										

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hương
Nguyễn Thị Hương

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Hương
Nguyễn Thị Hương

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THADS TỈNH LAI CHÂU

Mẫu số: 05-DSCKS

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỲ SAU THUỘC LOẠI TRƯỜNG HỢP KHÁC QUÝ III NĂM 2025

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Lý do chưa thi hành	Ngày tháng năm	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(14)
Cộng			2		2	886.700	-	886.700	2		2	2	
I	THADS TỈNH		-		-	-	-	-	-		-	-	
1								-					
2								-					
3								-					
4								-					
5								-					
II	CÁC KHU VỰC	2	2	2	2	886.700	-	886.700	2	-	2	2	
II.1	Khu vực 1	2	2	2	2	886.700	-	886.700	2		2	2	
1	01/2025/QĐST-KDTM	6/26/2025	02/QĐ-THADS	7/21/2025	Theo yêu cầu	686.700	-	686.700	Trong thời gian tự nguyện thi hành án		Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
2	02/2025/QĐST-KDTM	3/20/2025	03/QĐ-THADS	7/21/2025	Theo yêu cầu	200.000	-	200.000	Trong thời gian tự nguyện thi hành án		Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
3								-					
4								-					
5								-					
II.2	Khu vực 2	-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	
1								-					
2								-					

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Lý do chưa thi hành	Ngày tháng năm	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(14)
3								-					
4								-					
5								-					
II.2 Khu vực 3		-	-	-	-	-	-	-	-			-	
1								-					
2								-					
3								-					
4								-					
5								-					
II.2 Khu vực 4		-	-	-	-	-	-	-	-			-	
1								-					
2								-					
3								-					
4								-					
5								-					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]

Trần Thị Kim Sinh

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



[Signature]

Trần Công Hoàng

DANH SÁCH VIỆC CHUYỂN KỶ SAU THUỘC LOẠI CHƯA CÓ ĐIỀU KIỆN THI HÀNH QUỸ III NĂM 2025

Số TT	Số bản án, quyết định	Ngày, tháng, năm ra bản án, quyết định	Số Quyết định THA	Ngày, tháng, năm ra Quyết định THA	Loại việc thi hành án	Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành (1.000đ)	Số tiền, giá trị tài sản còn phải thi hành (1.000đ)	Căn cứ xác định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm ra Quyết định xác minh gần nhất	Ngày, tháng, năm ra Quyết định việc chưa có điều kiện thi hành	Ngày, tháng, năm đăng tải lên Trang thông tin điện tử	Số lần xác minh từ khi ra quyết định THA	Chấp hành viên tổ chức thi hành	Đơn vị công tác	Ghi chú
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)
Cộng			88		88	16.844.020	877.774	15.966.246	88	85	84	84	88	88	88	
1	THADS TỈNH		18		18	3.476.013	266.200	3.209.813	18	15	14	14	18	18	18	
1	06	12/17/2021	56	1/26/2022	Chiu đóng	30.000	5.000	25.000	Điều a Khoản 1 Điều 44a	2/15/2025	3/15/2024	3/15/2024	Lần 2	Nguyễn Văn Phòng	Phòng Nghiệp kiểm tra & GOKNTC	
2	52	6/25/2014	12	5/9/2016	Theo yêu cầu	14.500	8.000	6.500	Điều a Khoản 1 Điều 44a	9/6/2024	3/7/2024	3/7/2024	Lần 3	Hà Thị Thu Hiền	vụ và tổ chức thi hành án dân	
3	04	12/3/2021	50	1/12/2022	Chiu đóng	26.600	-	26.600	Điều a Khoản 1 Điều 44a	9/6/2024	3/7/2024	3/7/2024	Lần 3	Hà Thị Thu Hiền	vụ và tổ chức thi hành án dân	
4	637	12/10/2021	67	2/11/2022	Chiu đóng	1.269.000	-	1.269.000	Điều a Khoản 1 Điều 44a	12/18/2024	6/19/2024	6/19/2024	Lần 4	Hà Thị Thu Hiền	vụ và tổ chức thi hành án dân	
5	21	4/2/2021	371	5/10/2021	Chiu đóng	24.000	-	24.000	Điều a Khoản 1 Điều 44a	10/23/2024	4/24/2024	4/24/2024	Lần 3	Nguyễn Văn Phòng	Phòng Nghiệp kiểm tra & GOKNTC	
6	18	2/24/2022	117	4/18/2022	Chiu đóng	50.000	-	50.000	Điều a Khoản 1 Điều 44a				Lần 5	Hà Thị Thu Hiền	vụ và tổ chức thi hành án dân	
7	20	8/27/2020	193	8/23/2022	Chiu đóng	158.372	-	158.372	Điều a Khoản 1 Điều 44a	11/18/2024	11/19/2024	11/19/2024	Lần 2	Hà Thị Thu Hiền	thi hành án dân	
8	24	1/11/2023	137	2/17/2023	Chiu đóng	19.000	-	19.000	Điều a Khoản 1 Điều 44a	7/26/2024	4/24/2024	4/24/2024	Lần 7	Nguyễn Văn Phòng	Phòng Nghiệp kiểm tra & GOKNTC	
9	21	1/11/2023	144	2/21/2023	Chiu đóng	200.000	-	200.000	Điều a Khoản 1 Điều 44a				Lần 5	Hà Thị Thu Hiền	thi hành án dân	
10	06	11/26/2022	175	6/2/2023	Theo yêu cầu	80.000	-	80.000	Điều a Khoản 1 Điều 44a	7/26/2024	4/24/2024	4/24/2024	Lần 7	Hà Thị Thu Hiền	vụ và tổ chức thi hành án dân	
11	73	9/17/2023	30	10/26/2023	Chiu đóng	24.000	-	24.000	Điều a Khoản 1 Điều 44a	12/23/2024	11/20/2023	11/20/2023	Lần 2	Hà Thị Thu Hiền	thi hành án dân	
12	79	9/26/2023	78	11/20/2023	Theo yêu cầu	52.000	-	52.000	Điều a Khoản 1 Điều 44a	3/12/2024	12/2/2024	4/5/2024	Lần 3	Nguyễn Văn Phòng	vụ và tổ chức thi hành án dân	

13	07	11/28/2023	139	2/27/2024	Chủ động	53.310	-	53.310	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/18/2023	8/22/2022	8/22/2022	Lần 3	Hà Thị Thu Hiền	Phòng THADS Vụ và tổ chức thi hành án dân sự
14	22	1/23/2024	166	3/27/2024	Theo yêu cầu	500.000	-	500.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/9/2023	8/18/2023	8/21/2023	Lần 12	Hà Thị Thu Hiền	Phòng THADS Vụ và tổ chức thi hành án dân sự
15	34	3/27/2024	02	10/2/2024	Theo yêu cầu	180.000	10.000	170.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/10/2023			Lần 3	Nguyễn Khương Thương	Phòng THADS Vụ và tổ chức thi hành án dân sự
16	73	10/2/2024	06	10/9/2024	Theo yêu cầu	62.000	8.000	54.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	10/16/2024	11/19/2024	11/19/2024	Lần 5	Nguyễn Khương Thương	Phòng THADS Vụ và tổ chức thi hành án dân sự
17	37	9/24/2024	38	11/13/2024	Theo yêu cầu	370.000	235.000	135.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a				Lần 8	Hà Thị Thu Hiền	Phòng THADS Vụ và tổ chức thi hành án dân sự
18	13	2/26/2025	60	10/2/2024	Chủ động	363.231	200	363.031	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/15/2025	5/20/2025	5/21/2025	Lần 3	Hà Thị Thu Hiền	Phòng THADS Vụ và tổ chức thi hành án dân sự
II	CÁC KHU VỰC	64	70	64	70	13.368.007	611.574	12.756.433	70	70	70	70	70	70	70
II.1	Khu vực I	20	20	20	20	7.307.230	534.174	6.773.056	20	20	20	20	20	20	20
1	473/2022/HST	11/18/2022	03/QĐ-CCTHADS	10/3/2023	Chủ động	59.250	-	59.250	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/9/2024	8/13/2024	8/13/2024	Lần 2	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
2	62/HST	9/25/2023	58/QĐ-CCTHADS	11/1/2023	Chủ động	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/27/2024	7/2/2024	7/2/2024	Lần 1	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
3	02/2024/QĐST-DS	1/24/2024	150/QĐ-CCTHADS	1/29/2024	Chủ động	1.103	-	1.103	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	7/1/2024	7/3/2024	7/3/2024	Lần 1	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
4	04/2023/DSS T	7/14/2023	125/QĐ-CCTHADS	12/26/2023	Chủ động	34.178	-	34.178	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/10/2024	7/5/2024	7/5/2024	Lần 1	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
5	01/2024/DSS T	5/13/2024	266/QĐ-CCTHADS	6/13/2024	Theo yêu cầu	50.000	-	50.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/26/2024	9/9/2024	9/9/2024	Lần 1	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
6	29/2023/QĐST-KDTM	5/29/2023	185/QĐ-CCTHADS	3/18/2024	Chủ động	4.603	2.000	2.603	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/10/2025	6/11/2025	6/11/2025	Lần 3	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
7	01/2024/KD TMST	9/30/2024	151/QĐ-CCTHADS	1/22/2025	Chủ động	107.889	2.000	105.889	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/10/2025	6/11/2025	6/11/2025	Lần 2	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
8	01/2024/KD TMST	9/30/2024	183/QĐ-CCTHADS	2/13/2025	Theo yêu cầu	3.694.497	-	3.694.497	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/10/2025	6/11/2025	6/11/2025	Lần 2	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
9	21/KDTM	10/18/2021	75/QĐ-CCTHADS	3/28/2023	Theo yêu cầu	575.375	-	575.375	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/14/2024	6/14/2023	6/14/2023	Lần 6	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
10	45/HST	8/22/2023	40/QĐ-CCTHADS	12/20/2023	Chủ động	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	1/27/2024	1/27/2025	7/26/2024	Lần 4	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
11	01/QĐST-DS	3/17/2021	09/QĐ-CCTHADS	10/18/2021	Theo yêu cầu	40.000	1.000	39.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	2/28/2025	2/28/2025	2/28/2025	Lần 3	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu

12	01/DSST	4/16/2024	141/QĐ- CCTHADS	7/16/2024	Chu động	4.100	-	4.100	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	2/17/2025	2/19/2025	2/19/2025	Lần 2	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu	
13	13/HSST	1/24/2024	65/QĐ- CCTHADS	3/1/2024	Chu động	500	-	500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	9/17/2024	3/20/2025	9/20/2024	Lần 3	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu	
14	117/HSST	6/18/2024	19/QĐ- CCTHADS	10/8/2024	Chu động	500	-	500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/21/2025	4/22/2025	4/22/2025	Lần 2	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu	
15	01/DSST	9/8/2022	27/QĐ- CCTHADS	10/23/2024	Theo yêu cầu	200.000	-	200.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	5/12/2025	5/13/2025	5/13/2025	Lần 2	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu	
16	51/HSST	12/2/2021	51/QĐ- CCTHADS	12/28/2021	Chu động	48.635	1.034	47.601	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/15/2025	5/15/2025	5/15/2025	Lần 4	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu	
17	81/HSST	8/22/2024	48/QĐ- CCTHADS	12/18/2024	Chu động	5.200	-	5.200	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/19/2025	6/19/2025	6/19/2025	Lần 2	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu	
18	6	8/23/2024	149	1/17/2025	Theo yêu cầu	1.240.000	-	1.240.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/22/2025	6/19/2025	6/19/2025	Lần 6	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu	
19	6	8/23/2024	148	1/17/2025	Chu động	49.800	600	49.200	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/22/2025	6/19/2025	6/19/2025	Lần 6	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu	
20	105	6/28/2024	323	8/12/2024	Theo yêu cầu	1.171.600	527.540	644.060	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	11/6/2024	11/7/2024	11/7/2024	Lần 6	Bùi Quốc Tuấn	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu	
11.2	KHHU VŨC 2	34	34	34	34	2.443.737	65.200	2.378.537	34	34	34	34	34	34	34	34
1	01	12/30/2022	183	5/18/2023	Theo yêu cầu	48.000	3.500	44.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	11/14/2023	12/14/2023	9/20/2024	Lần 3	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
2	112	8/22/2023	30	10/19/2023	Theo yêu cầu	18.000	-	18.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	5/20/2024	11/20/2023	9/20/2024	Lần 1	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
3	01	5/5/2023	31	10/19/2023	Theo yêu cầu	113.000	-	113.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	7/3/2024	7/4/2024	8/29/2024	Lần 4	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
4	56	4/20/2021	205	5/13/2023	Chu động	100.000	50.000	50.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/24/2024	6/21/2024	5/14/2024	Lần 2	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
5	21	11/29/2024	128	1/8/2025	Theo yêu cầu	25.000	-	25.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	2/13/2025	2/14/2025	2/14/2025	Lần 1	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
6	25	5/19/2023	173	3/7/2025	Theo yêu cầu	7.000	-	7.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	3/25/2025	3/27/2025	3/27/2005	Lần 1	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
7	29/HSST	1/20/2022	110	3/2/2022	Chu động	500	-	500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/5/2023	4/6/2022	5/20/2022	Lần 6	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
8	36/HNGD- ST	9/8/2022	157	4/24/2023	Theo yêu cầu	24.000	-	24.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	11/12/2023	5/15/2023	5/15/2023	Lần 5	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
9	16/HSFT	7/14/2020	51	10/31/2023	Theo yêu cầu	208.500	-	208.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	1/11/2024	2/23/2024	2/23/2024	Lần 4	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	

13	07	11/28/2023	139	2/27/2024	Chủ động	53.310	-	53.310	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/18/2023	8/22/2022	8/22/2022	Lần 3	Hà Thị Thu Hiền	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
14	22	1/23/2024	166	3/27/2024	Theo yêu cầu	500.000	-	500.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/9/2023	8/18/2023	8/21/2023	Lần 12	Hà Thị Thu Hiền	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
15	34	3/27/2024	02	10/2/2024	Theo yêu cầu	180.000	10.000	170.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/10/2023			Lần 3	Nguyễn Khuông Thương	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
16	73	10/2/2024	06	10/9/2024	Theo yêu cầu	62.000	8.000	54.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	10/16/2024	11/19/2024	11/19/2024	Lần 5	Nguyễn Khuông Thương	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
17	37	9/24/2024	38	11/13/2024	Theo yêu cầu	370.000	235.000	135.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a				Lần 8	Hà Thị Thu Hiền	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
18	13	2/26/2025	60	10/2/2024	Chủ động	363.231	200	363.031	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/15/2025	5/20/2025	5/21/2025	Lần 3	Hà Thị Thu Hiền	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
II	CÁC KHU VỰC	64	70	64	70	13.368.007	611.574	12.756.433	70	70	70	70	70	70	70
II.1	Khu vực 1	20	20	20	20	7.307.230	534.174	6.773.056	20	20	20	20	20	20	20
1	473/2022/HIS ST	11/18/2022	03/QĐ- CCTHADS	10/3/2023	Chủ động	59.250	-	59.250	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/9/2024	8/13/2024	8/13/2024	Lần 2	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
2	62/HSST	9/25/2023	58/QĐ- CCTHADS	11/1/2023	Chủ động	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/27/2024	7/2/2024	7/2/2024	Lần 1	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
3	02/2024/QĐ T-DS	1/24/2024	150/QĐ- CCTHADS	1/29/2024	Chủ động	1.103	-	1.103	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	7/1/2024	7/3/2024	7/3/2024	Lần 1	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
4	04/2023/DSS T	7/14/2023	125/QĐ- CCTHADS	12/26/2023	Chủ động	34.178	-	34.178	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/10/2024	7/5/2024	7/5/2024	Lần 1	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
5	01/2024/DSS T	5/13/2024	266/QĐ- CCTHADS	6/13/2024	Theo yêu cầu	50.000	-	50.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/26/2024	9/9/2024	9/9/2024	Lần 1	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
6	29/2023/QĐ T-KDTM	5/29/2023	185/QĐ- CCTHADS	3/18/2024	Chủ động	4.603	2.000	2.603	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/10/2025	6/11/2025	6/11/2025	Lần 3	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
7	01/2024/KD TMST	9/30/2024	151/QĐ- CCTHADS	1/22/2025	Chủ động	107.889	2.000	105.889	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/10/2025	6/11/2025	6/11/2025	Lần 2	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
8	01/2024/KD TMST	9/30/2024	183/QĐ- CCTHADS	2/13/2025	Theo yêu cầu	3.694.497	-	3.694.497	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/10/2025	6/11/2025	6/11/2025	Lần 2	Bùi Ngọc Linh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
9	21/KDTM	10/18/2021	75/QĐ- CCTHADS	3/28/2023	Theo yêu cầu	575.375	-	575.375	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/14/2024	6/14/2023	6/14/2023	Lần 6	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
10	45/HSST	8/22/2023	40/QĐ- CCTHADS	12/20/2023	Chủ động	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	1/27/2024	1/27/2025	7/26/2024	Lần 4	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu
11	01/QĐST-DS	3/17/2021	09/QĐ- CCTHADS	10/18/2021	Theo yêu cầu	40.000	1.000	39.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	2/28/2025	2/28/2025	2/28/2025	Lần 3	Bùi Quốc Khánh	Phòng THADS Khu vực 1 - Lai Châu

10	04/QBST-DS	9/27/2016	62	3/1/2017	Theo yêu cầu	26.000	-	26.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/19/2023	5/20/2022	5/20/2022	Lần 6	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
11	03/HST	1/6/2021	101	4/2/2021	Chú động	950	-	950	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/27/2023	6/8/2021	6/8/2021	Lần 7	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
12	04/QBST-DS	5/3/2017	16	11/17/2017	Theo yêu cầu	30.000	-	30.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/6/2023	12/13/2017	12/13/2017	Lần 10	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
13	04/QBST-DS	5/3/2017	13	10/5/2017	Theo yêu cầu	30.000	-	30.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/6/2023	11/7/2017	11/7/2017	Lần 6	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
14	58/QBST-DS	8/28/2014	15	10/28/2014	Theo yêu cầu	19.642	3.000	16.642	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	5/12/2023	7/27/2022	7/27/2022	Lần 11	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
15	06/HST	3/17/2020	149	6/4/2020	Chú động	30.200	-	30.200	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	5/15/2023	6/23/2020	6/23/2020	Lần 8	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
16	31/HST	8/24/2020	43	11/16/2020	Theo yêu cầu	20.000	-	20.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/7/2023	8/8/2022	8/8/2022	Lần 5	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
17	54/HST	6/22/2021	07	10/4/2021	Chú động	123.586	-	123.586	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	11/11/2023	6/11/2022	6/11/2022	Lần 6	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
18	54/HST	6/22/2021	10	10/4/2021	Chú động	57.500	-	57.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	7/24/2023	8/4/2023	8/4/2023	Lần 4	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
19	78/HST	8/30/2022	18	10/11/2023	Chú động	500	-	500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	2/24/2024	8/28/2023	8/28/2023	Lần 5	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
20	50/HST	8/30/2022	60	12/12/2022	Chú động	582.700	-	582.700	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	3/19/2024	9/20/2023	9/20/2023	Lần 5	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
21	70/HST	8/25/2022	152	4/11/2023	Theo yêu cầu	89.152	-	89.152	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	8/9/2023	8/9/2023	8/9/2023	Lần 4	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
22	29/HST	8/17/2020	199	7/3/2023	Chú động	7.000	-	7.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	7/24/2023	8/4/2023	8/4/2023	Lần 4	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
23	49/HST	6/14/2021	178	8/2/2023	Theo yêu cầu	80.000	-	80.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	7/28/2023	8/11/2023	8/11/2023	Lần 5	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
24	10/QBCNHG T-DS	8/22/2022	193	9/6/2022	Theo yêu cầu	126.107	-	126.107	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	1/25/2024	2/2/2024	2/2/2024	Lần 7	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
25	06/QBCNHG T-DS	8/10/2022	31	10/10/2023	Theo yêu cầu	367.479	-	367.479	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	1/31/2024	2/2/2024	2/2/2024	Lần 8	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
26	10/QBCNHG T-DS	8/22/2022	194	10/10/2023	Theo yêu cầu	10.345	-	10.345	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	1/9/2024	2/2/2024	2/2/2024	Lần 8	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
27	10/QBCNHG T-DS	8/22/2022	32	10/10/2023	Theo yêu cầu	13.646	-	13.646	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	1/9/2024	2/2/2024	2/2/2024	Lần 8	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
28	01/HST	10/28/2015	109	6/15/2016	Chú động	24.000	500	23.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/15/2024	7/4/2016	7/4/2016	Lần 12	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	

29	01/QĐST-DS	4/25/2024	185		5/9/2024	Theo yêu cầu	25.000	-	25.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	7/10/2024	7/15/2024	7/15/2024	Lần 3	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
30	02/QĐCNHG T-DS	12/8/2023	100		12/21/2023	Theo yêu cầu	16.680	6.000	10.680	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	7/12/2024	7/15/2024	7/15/2024	Lần 3	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
31	32/HSST	3/1/2013	147		7/12/2021	Theo yêu cầu	13.200	2.000	11.200	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	5/14/2024	5/17/2024	5/17/2024	Lần 9	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
32	55/HSST	4/25/2024	213		6/10/2024	Chủ động	200.000	-	200.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	9/30/2024	9/30/2024	9/30/2024	Lần 6	Nguyễn Văn Tuấn	Khu vực 2	
33	01/DSST	7/20/2017	04		10/3/2017	Chủ động	1.094	200	894	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	4/23/2024	4/25/2024	4/25/2024	Lần 10	Lý Ngọc Hiếu	Khu vực 2	
34	126	12/21/2023	230		6/3/2024	Theo yêu cầu	4.956	-	4.956	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	5/26/2024	7/1/2024	1/18/2024	Lần 1	Đỗ Khắc Tùng	Khu vực 2	
II.3	Khu vực 3			6		6	1.505.800	-	1.505.800	6	6	6	6	6	6	6	
1	65/HSST	8/12/2022	78		1/3/2023	Chủ động	500	-	500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	3/8/2024	2/23/2023	2/23/2023	Lần 1	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
2	32/HSST	11/27/2024	140		5/6/2025	Chủ động	8.000	-	8.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	5/23/2025	5/27/2025	5/27/2025	Lần 1	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
3	50/HSST	4/9/2025	163		6/5/2025	Chủ động	30.000	-	30.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/17/2025	6/24/2025	6/27/2025	Lần 1	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
4	42/HSST	5/25/2007	05		6/5/2025	Theo yêu cầu	128.800	-	128.800	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	6/18/2025	6/24/2025	6/24/2025	Lần 1	Trần Văn Tùng	Phòng THADS khu vực 3	
5	48/HSST	1/31/2024	118		4/3/2024	Chủ động	10.000	-	10.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	5/9/2025	11/13/2024	11/13/2024	Lần 1	Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	
6	791/HSPT	9/23/2024	67		1/2/2025	Chủ động	1.328.500	-	1.328.500	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	3/31/2025	4/1/2025	4/1/2025	Lần 1	Phan Đình Lâm	Phòng THADS khu vực 3	
II.3	Khu vực 4			10		10	2.111.240	12.200	2.099.040	10	10	10	10	10	10	10	
1	05	2/23/2023	30		1/6/2025	Theo yêu cầu	112.892	-	112.892	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	2/21/2025	25/02/2025	2/25/2025	Lần 2	Chu Gò Xê	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
2	152	9/27/2023	130		3/7/2024	Theo yêu cầu	108.638	-	108.638	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	10/14/2024	4/26/2025	4/26/2025	Lần 4	Đèo Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
3	04	11/28/2016	136		4/5/2024	Theo yêu cầu	300.461	-	300.461	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	3/14/2025	5/3/2024	5/3/2024	Lần 2	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
4	04	11/28/2016	137		4/5/2024	Chủ động	32.273	-	32.273	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	3/14/2025	5/3/2024	5/3/2024	Lần 2	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	
5	16	12/6/2023	129		3/7/2024	Chủ động	14.586	12.000	2.586	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	2/13/2025	8/20/2024	8/20/2024	Lần 3	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-Lai Châu	

6	01	10/26/2023	74	12/4/2023	Chú động	23.532	-	23.532	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	1/18/2024	3/20/2024	3/20/2024	Lần 4	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-1.ái Châu
7	152	9/27/2023	63	11/7/2023	Chú động	20.137	200	19.937	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	10/14/2024	4/25/2024	4/25/2024	Lần 7	Nguyễn Nam Cường	Phòng THADS khu vực 4-1.ái Châu
8	152	9/27/2023	64	11/7/2023	Chú động	29.000	-	29.000	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	7/30/2024	4/24/2024	4/24/2024	Lần 8	Đào Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-1.ái Châu
9	01	6/29/2023	03	10/4/2023	Theo yêu cầu	1.448.635	-	1.448.635	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	1/2/2025	8/1/2024	8/1/2024	Lần 8	Đào Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-1.ái Châu
10	01	6/29/2023	137	8/2/2023	Chú động	21.086	-	21.086	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	10/2/2024	4/15/2024	4/15/2024	Lần 3	Đào Văn Minh	Phòng THADS khu vực 4-1.ái Châu

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

[Signature]
Đỗ Văn Minh

TRƯỞNG THỊ HÀNH AN DÂN SỰ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[Signature]
Trần Văn Cường



TT	TIÊU CHÍ	VỀ VIỆC	VỀ TIỀN (1.000 đồng)		
			Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành
6.3	Điểm c Khoản 1 Điều 44a	-	-	-	-
6.4	Trường hợp chưa có điều kiện khác	-	-	-	-
7	TỔNG SỐ	381	127.790.929	16.665.104	111.125.825

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký ghi rõ họ tên)

Lai Châu, ngày 12 tháng 8 năm 2025
TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Lê Thị Kim Sinh

Trần Công Hương

CỤC QUẢN LÝ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
THADS TỈNH LAI CHÂU

THỐNG KÊ THEO LÝ DO CHƯA THI HÀNH QUÝ III NĂM 2025

TT	TIÊU CHÍ	VỀ VIỆC	VỀ TIỀN (1.000 đồng)		
			Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành
1	Đang thi hành	289	68.966.977	15.787.330	53.179.647
1.1	Đang xác minh tài sản	288	68.848.307	15.769.330	53.078.977
1.2	Đang áp dụng các biện pháp bảo đảm thi hành án	-	-	-	-
1.2.1	Phong tỏa tài khoản	-	-	-	-
1.2.2	Phong tỏa tài sản	-	-	-	-
1.2.3	Tạm giữ tài sản, giấy tờ	-	-	-	-
1.2.4	Tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng về tài sản	-	-	-	-
1.3	Đang áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành án	1	118.670	18.000	100.670
1.3.1	Khấu trừ tiền trong tài khoản	-	-	-	-
1.3.2	Thu hồi, xử lý tiền	-	-	-	-
1.3.3	Thu hồi, xử lý giấy tờ có giá	-	-	-	-
1.3.4	Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án	1	118.670	18.000	100.670
1.3.5	Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kê cả tài sản đang do người thứ ba giữ	-	-	-	-
1.3.6	Khai thác tài sản của người phải thi hành án	-	-	-	-
1.3.7	Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ	-	-	-	-
1.3.8	Buộc chuyển giao quyền tài sản	-	-	-	-
1.3.9	Buộc chuyển giao giấy tờ	-	-	-	-
1.3.10	Buộc người phải thi hành án thực hiện công việc nhất định	-	-	-	-
1.3.11	Buộc người phải thi hành án không được thực hiện công việc nhất định	-	-	-	-
2	Hoãn thi hành án theo điểm c khoản 1 Điều 48	-	-	-	-
	Điểm c K1 Điều 48	-	-	-	-
3	Hoãn thi hành án (trừ điểm c khoản 1 Điều 48)	2	870.500	-	870.500
3.1	Điểm a K1 Điều 48	-	-	-	-
3.2	Điểm b K1 Điều 48	-	-	-	-
3.3	Điểm d K1 Điều 48	2	870.500	-	870.500
3.4	Điểm đ K1 Điều 48	-	-	-	-
3.5	Điểm e K1 Điều 48	-	-	-	-
3.6	Điểm g K1 Điều 48	-	-	-	-
3.7	Điểm h K1 Điều 48	-	-	-	-
3.8	Khoản 2 Điều 48	-	-	-	-
4	Tạm đình chỉ thi hành án	-	-	-	-
4.1	Khoản 1 Điều 49	-	-	-	-
4.2	Khoản 2 Điều 49	-	-	-	-
5	Trường hợp khác	2	886.700	-	886.700
5.1	Tạm dừng để giải quyết khiếu nại, tố cáo	-	-	-	-
5.2	Trong thời gian tự nguyện thi hành án	2	886.700	-	886.700
5.3	Trở ngại khách quan	-	-	-	-
6	Chưa có điều kiện thi hành án	88	57.066.752	877.774	56.188.978
6.1	Điểm a Khoản 1 Điều 44a	88	57.066.752	877.774	56.188.978
6.2	Điểm b Khoản 1 Điều 44a	-	-	-	-

THỐNG KÊ THEO LOẠI VIỆC QUÝ III NĂM 2025

TT	TIÊU CHÍ	VỀ VIỆC	VỀ TIỀN (1.000 đồng)		
			Tổng số tiền, giá trị tài sản phải thi hành	Số tiền, giá trị tài sản đã thi hành	Số tiền, giá trị tài sản chưa thi hành
1	Đang thi hành	289	68.966.977	15.787.330	53.179.647
1.1	Chủ động	170	7.297.989	574.341	6.723.648
1.2	Theo yêu cầu	119	61.668.988	15.212.989	46.455.999
2	Hoãn thi hành án theo điểm c khoản 1 Điều 48	-	-	-	-
2.1	Chủ động	-	-	-	-
2.2	Theo yêu cầu	-	-	-	-
3	Hoãn thi hành án (Trừ điểm c khoản 1 Điều 48)	2	870.500	-	870.500
3.1	Chủ động	1	40.500	-	40.500
3.2	Theo yêu cầu	1	830.000	-	830.000
4	Tạm đình chỉ thi hành án	-	-	-	-
4.1	Chủ động	-	-	-	-
4.2	Theo yêu cầu	-	-	-	-
5	Trường hợp khác	2	886.700	-	886.700
5.1	Chủ động	-	-	-	-
5.2	Theo yêu cầu	2	886.700	-	886.700
6	Số chưa có điều kiện thi hành	88	57.066.752	877.774	56.188.978
6.1	Chủ động	47	45.421.647	73.734	45.347.913
6.2	Theo yêu cầu	41	11.645.105	804.040	10.841.065
9	TỔNG CỘNG	381	127.790.929	16.665.104	111.125.825
9.1	Chủ động	218	52.760.136	648.075	52.112.061
9.2	Theo yêu cầu	163	75.030.793	16.017.029	59.013.764

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký ghi rõ họ tên)


Lê Thị Kim Sinh

Lai Châu, ngày 12 tháng 8 năm 2025
TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)


Trần Công Hương

